

## THÔNG TIN KHOA HỌC

# SỰ ĐỘC LẬP CỦA TƯ PHÁP: HẠT NHÂN CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

F. B. William Kelly (\*)

Người dịch: Phạm Trọng Nghĩa(\*\*)

### 1. Lời giới thiệu

Liên hợp quốc đã công nhận vai trò quan trọng của một nền tư pháp độc lập bằng việc thông qua “*Những nguyên tắc cơ bản của một nền Tư pháp độc lập*”<sup>(1)</sup> tại hội nghị thượng đỉnh lần thứ 7 năm 1985. Hệ quả của việc Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua những nguyên tắc cơ bản là mọi quốc gia thành viên phải đảm bảo sự độc lập của các cơ quan tư pháp thông qua việc ghi nhận trong Hiến pháp hay Đạo luật của quốc gia đó<sup>(2)</sup>. Mặc dù một hệ thống tư pháp độc lập được xem như một thành tố quan trọng của bất kỳ một hệ thống pháp luật bình đẳng và công bằng nào, nhưng một định nghĩa chính xác về phạm vi của nguyên tắc này có thể trở nên khó khăn trong một thế giới đa văn hoá và nhiều hệ thống pháp luật.

Theo cách hiểu đơn giản, sự độc lập của tư pháp là khả năng của mỗi thẩm phán quyết định một vấn đề mà không phải chịu bất kỳ áp lực hay sức ép nào. Ngoài ra, tổ chức của tư pháp phải là một khối thống nhất, độc lập với Chính phủ và các cơ quan công quyền khác. Vai trò chính của một hệ thống tư pháp độc lập là để xây dựng Nhà nước pháp quyền và để đảm bảo sự tối thượng của luật pháp. Nếu tư pháp thực sự đảm nhận chức năng của mình công bằng và độc lập, nó phải có quyền lực đặc biệt để cho phép nó “giữ khoảng cách” với các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và những ảnh hưởng phi chính quyền khác, và tư pháp không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ tác động bên ngoài nào từ những thiết chế trên.

### 2 Cơ sở của sự độc lập tư pháp

1. “*Sự độc lập của tư pháp cần phải được đảm bảo bởi Nhà nước và được ghi nhận trong Hiến pháp hay Đạo luật của quốc gia. Tôn trọng sự độc lập của tư pháp là trách nhiệm của Chính phủ và các thiết chế khác*”<sup>(3)</sup>.

Một số loại hình pháp luật đã tồn tại từ khi lần đầu tiên loài người nhận ra rằng những mâu thuẫn (tranh chấp) của họ có thể được giải quyết bằng những cách khác tay cho những cuộc đối đầu bằng cơ bắp. Việc giải quyết tranh chấp cuối cùng chuyển từ phán quyết của người già trong gia đình hay bộ lão trong thị tộc, hay người đứng đầu

Thẩm phán Tòa án Tối cao Bang Nava Scotia, Canada.  
\* Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

bộ lạc, sang phán quyết của những quan toà chuyên nghiệp được đào tạo bởi Nhà nước. Một trong những ví dụ về những Bộ luật Hình sự thành văn sớm nhất có thể kể đến đó là Luật Hình sự thời Đế chế Xia<sup>(4)</sup> hay Bộ luật Hammurabia (1792 - 1750 TCN) của Babylon, những bộ luật này chắc chắn là sự thể hiện của một hệ thống toà án tương đối tinh vi.

Nhà triết học người Anh John Locke, triết gia người Pháp Montexkier, được đánh giá chung là những người có ảnh hưởng nhiều nhất đến sự phát triển của quan điểm hiện đại về sự độc lập của tư pháp<sup>(6)</sup>. Vào cuối thế kỷ 18, Locke, người có ảnh hưởng mạnh đến cách mạng tư sản Anh 1688 và cách mạng Mỹ năm 1776, đã khẳng định rằng việc ghi nhận bằng luật sự độc lập của quan toà là điều kiện tiên quyết của một xã hội công dân và một xã hội không có sự độc lập của quan toà là một xã hội "hoang dã". Hạt nhân của vấn đề này và những quan niệm hiện đại về sự độc lập của tư pháp được ghi nhận trong học thuyết về phân chia quyền lực rằng: Tư pháp phải độc lập với lập pháp và hành pháp trong khi thực hiện chức năng của mình.

Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người đã khẳng định các nguyên tắc: (1) Bình đẳng trước pháp luật, (2) Suy đoán vô tội, (3) Quyền được xét xử bởi một toà án công minh, độc lập, không thiên vị.

Quá trình phát triển các nguyên tắc cơ bản về sự độc lập của tư pháp cho thấy có một khoảng cách giữa việc quy định và việc thực hiện. Có thể khẳng định rằng không một hệ thống tư pháp nào trên thế giới có thể đáp ứng toàn bộ và đầy đủ các nguyên tắc cơ bản, mà chúng chỉ được vận dụng một cách tương đối vào trong pháp luật của quốc gia mình.

Khi khuyến nghị Uỷ ban chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng kinh tế và xã hội của Liên hợp quốc đã thông qua "*Quy trình thực hiện có hiệu quả những nguyên tắc cơ bản cho sự độc lập của tư pháp*". Quy trình yêu cầu các quốc gia thành viên phải tôn trọng và tham gia vào; ghi nhận trong pháp luật quốc gia những nguyên tắc cơ bản trên cơ sở phù hợp với Hiến pháp và thực tiễn trong nước, xuất bản các nguyên tắc trên bằng nội ngữ và phổ biến chúng đến từng thành viên của hệ thống tư pháp. Quy trình trên cũng khuyến khích các thiết chế (tổ chức) của Liên hợp quốc giúp đỡ các quốc gia thành viên trong việc đánh giá và củng cố sự độc lập của tư pháp.

Quan niệm về sự độc lập của tư pháp có nhiều yếu tố cấu thành, nhưng nói chung chúng được coi là yếu tố đầu tiên đảm bảo sự an toàn về chính trị và quyền lợi, sự tự do của cá nhân và tổ chức trước những can thiệp không thể chấp nhận được của quá trình tố tụng.

### 3. Học thuyết phân công quyền lực

*(2) Toà án phải quyết định các vấn đề một cách công bằng, dựa trên sự thật và pháp luật, không chịu bất kỳ sự cấm đoán, ảnh hưởng bất hợp pháp, đút lót, áp lực, đe dọa, can thiệp trực tiếp hay can thiệp gián tiếp nào, từ bất cứ hướng nào hay vì bất kỳ lý do gì?*

(4) Hoặc không có bất kỳ sự can thiệp không thích hợp hay không thể chấp nhận được vào quá trình tư pháp, hoặc quyết định của tòa án phải được xem xét lại. Nguyên tắc này để tránh sự định kiến, sự giảm nhẹ hay sự giảm hình phạt của những nhà chức trách khi chúng được quyết định bởi tòa án, theo quy định của pháp luật.

Những nguyên tắc cơ bản trên được áp dụng triệt để (được kết hợp chặt chẽ) với những trường hợp có khả năng vi phạm sự độc lập của tư pháp, bao gồm cả những thành phần cơ bản tạo nên sự phán quyết công bằng, độc lập. Chỉ ở những nơi mà có sự tồn tại của một nền tư pháp độc lập thì thẩm phán mới có thể phán quyết một cách công bằng và công minh, bởi lẽ Nhà nước Pháp quyền đòi hỏi một thẩm phán không phải sợ hãi do bị ảnh hưởng hay trả thù từ bất kỳ tác động bên ngoài nào.

Lịch sử của hoạt động tư pháp trên thế giới cho thấy rằng sự can thiệp lớn nhất vào hoạt động tư pháp là từ cách thiết chế (cơ quan) Nhà nước hoặc các Đảng phái chính trị. Một hệ thống tư pháp độc lập không chỉ độc lập với những sự can thiệp và sự ảnh hưởng trên mà nó còn phải tồn tại một cách độc lập. Điều đó cũng vì lý do rằng tòa án chỉ thực sự được chấp nhận (công nhận) là một tòa án công lý (công bằng) khi công chúng tin rằng đó là một tòa án công bằng và công minh. Quan niệm này đã được biến thành câu thành ngữ nổi tiếng "*Công lý không những phải được thực hiện, mà công lý còn phải được kiểm tra (xem xét, giám sát) khi thực hiện*". Sau này, thẩm phán tòa án tối cao Mỹ ngài Thursgood Marshall đã cho rằng "*chúng ta không được quên rằng, nguyên quyền lực thực tế và duy nhất mà chúng ta - những người thẩm phán- có được, chính là sự tôn trọng của dân chúng*"<sup>(11)</sup>.

Để một tòa án là một tòa án công minh, tòa án đó phải không bị ảnh hưởng hoặc đủ khả năng vượt qua bất kỳ ảnh hưởng nào từ bên ngoài. Để tránh điều đã nhận thức được có, tòa án không được có bất kỳ mối liên hệ bên ngoài nào với các đảng chính trị. Nếu thực sự có mối liên hệ đó thì tòa án sẽ trở nên định kiến theo quyền lợi của Đảng chính trị, hoặc nếu Đảng đó là Đảng cầm quyền thì tòa án sẽ trở nên định kiến & chỉ làm theo lợi ích của Nhà nước<sup>(12)</sup>. Nếu một tòa án hoặc một thẩm phán là đối tượng hoặc có dấu hiệu là đối tượng của những áp lực hoặc can thiệp bất hợp pháp từ phía các cơ quan quản lý, hành chính của Chính phủ, thì điều đó được coi là sự can thiệp bất hợp pháp tới sự độc lập của tư pháp. Một nhà bình luận Hiến pháp đã từng nói: "*Một quan niệm cơ hữu của tư pháp, ít nhất như nó đã được thừa nhận ở thế giới phương Tây là thân phận không thể là liên minh hay người ủng hộ cho bất kỳ một đảng phái đang hoạt động nào*"<sup>(13)</sup>.

Trong một vụ án hình sự, một cá nhân không thể bị kết tội bởi một tòa án mà tòa án đó lại là một bộ phận của bộ máy hành chính Nhà nước, cơ quan buộc tội anh ta. Như vậy, trong một vụ án hình sự, có thể thấy rõ ràng Nhà nước là một bên của tranh chấp (cá: thiết chế cũng như quân đội, khu tự trị, tổng công ty quốc gia (dầu khí, điện và các lĩnh vực khác) và các thiết chế khác, đồng thời cả Nhà nước thường xuyên liên quan đến các tranh chấp dẫn đến hoạt động tố tụng.

Ví dụ, bên nguyên (bên khởi kiện) trong một vụ tranh chấp dân sự không nhất thiết phải gạt ảnh hưởng tới nội dung tranh chấp hoặc pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án (chấp đ).

Nhánh quyền hành pháp là chủ thể trước toà án khi khởi kiện cho lợi ích của Nhà nước và trong việc thực thi luật hình sự. Và tất nhiên không thể tránh được sự liên hệ giữa toà án và cơ quan hành pháp về mục đích tài chính hoặc quản lý. Nhưng điều cần nhấn mạnh (quan tâm) trong các nỗ lực để tuân thủ các tiêu chuẩn của Liên hợp quốc là làm sao giảm sự liên hệ giữa hai cơ quan trên tới mức tối thiểu (cần thiết để đảm bảo sự an toàn cũng như tạo đủ điều kiện về tài chính và quản lý cho toà án).

Trong án lệ số 1 của Canada về sự độc lập của tư pháp, Valente v. R.<sup>(14)</sup> thẩm phán Le Dain đại diện cho toà án, đã trình bày nguồn gốc (bản chất) của độc lập tư pháp và sự công bằng, đồng thời phân biệt sự khác nhau giữa hai khái niệm trên. Ông ta chỉ ra rằng “*Sự công bằng có nghĩa là (nói đến) ý nghĩ hay hành động của toà án liên quan đến một vấn đề hay một việc cụ thể*”, “*trong khi đó sự độc lập không chỉ bao gồm ý nghĩ hoặc hành động trong việc thực hiện quyền xét xử mà cả địa vị của toà án trong mối liên quan với các thiết chế khác, đặc biệt là với cơ quan hành pháp, dựa trên điều kiện hay những đảm bảo khách quan*”.

Tuy nhiên, nhánh quyền hành pháp cũng có quyền lợi hợp pháp khi phối hợp một cách thích đáng với hệ thống tư pháp. Bởi vậy, cần thiết phải có sự phối hợp hài hoà (hợp lý) giữa những hoạt động quản lý của toà án với các cơ quan khác của hệ thống tư pháp như cảnh sát, công tố, thi hành án<sup>(15)</sup>. Mục đích của sự phối hợp này là để đảm bảo hoạt động có hiệu quả của hệ thống tư pháp, nhưng nó chỉ dừng lại ở mức độ hợp tác hành chính chứ không phải là chức năng (mục đích) chủ yếu, ví dụ hành pháp không được chỉ cho toà án cách quyết định vấn đề và toà án cũng không nói cho cảnh sát cách điều tra tội phạm<sup>(16)</sup>.

#### 4. Quyền lợi, lợi ích

(11) *Điều khoản về điều kiện làm việc của thẩm phán, sự độc lập của họ, sự an toàn, tiền công, điều kiện phục vụ, hưởng hưu và tuổi nghỉ hưu cần phải được đảm bảo chắc chắn bằng luật.*

Sự đảm bảo về quyền lợi có nghĩa là lương của tất cả các thẩm phán phi toà đáng, ổn định và được đảm bảo không bị thay đổi một cách đơn phương (độc đản) bởi bất kỳ cơ quan Nhà nước nào. Mặc khách quan trên chắc chắn sẽ đảm bảo cho thẩm phán không bị cám dỗ và lo lắng vô ích về tình trạng tài chính hiện tại và tương lai, và khi quyền lợi của thẩm phán được đáp ứng đầy đủ sẽ hấp dẫn những công dân tài năng và có trình độ vào ngạch thẩm phán.

Câu nói của người Trung Quốc “*Trả lương cao cho công chức sẽ đem lại một bộ máy Nhà nước trong sạch*”, đã trở thành hiện thực trong hệ thống tư pháp của rừng pháp thông luật (Common Law). Điều 1701 đạo luật về tài sản<sup>(18)</sup> đã ghi nhận rằng lương của thẩm phán ở Anh quốc phải được “*xác định và củng cố*”. Ở Mỹ có một điều cấm được ghi nhận trong Hiến pháp đó là cấm việc giảm lương của thẩm phán liên bang<sup>(19)</sup>. Lương của thẩm phán ở Canada thường tương đương với lương của qua chức cao nhất trong dân sự. Nói chung, có sự tương đồng trong việc trả lương cho thẩm phán được bổ nhiệm ở cấp liên bang giữa Mỹ và Canada, đồng thời có thể so sánh được với mức lương trả cho thẩm phán cấp cao ở Anh quốc<sup>(20)</sup>.

Như những bình luận ở trên, có thể khẳng định rằng tất cả quyền lợi của thẩm phán ở những nước có hệ thống thông luật, trừ một số ngoại lệ đối với những toà án cấp dưới, đều hợp lý và đầy đủ để đảm bảo một hệ thống tư pháp độc lập và công bằng.

Vị trí chắc chắn và quyền lợi đã đóng một vai trò quan trọng việc phát triển một nền “văn hoá pháp lý” ở những quốc gia này, nơi mà hành vi dốt nát dù là nhỏ nhất hầu như không được biết đến.

## 5. Nghỉ hưu (hưu trí)

*(12) Thẩm phán, dù được bổ nhiệm hay bầu cử phải có vị trí chắc chắn cho đến tận tuổi về hưu hoặc hết nhiệm kỳ, nếu theo nhiệm kỳ.*

*(17) Một lời buộc tội hay phàn nàn về năng lực nghề nghiệp của một thẩm phán phải được xem xét một cách nhanh chóng và công bằng theo một trình tự thích hợp. Thẩm phán có quyền được tham gia quá trình đó. Việc xem xét vấn đề một cách bí mật ngay từ giai đoạn đầu, trừ trường hợp theo yêu cầu của thẩm phán đó.*

*(18) Thẩm phán chỉ có thể bị đình chỉ hoặc cách chức khi không có năng lực hoặc có hành vi biểu lộ sự thiếu tư cách để thực hiện nhiệm vụ của mình.*

Ở Anh quốc chỉ có duy nhất một thẩm phán bị cách chức một cách chính thức theo quy định của đạo luật về Settlement năm 1701.<sup>(22)</sup> Đạo luật này thiết lập sự ổn định về vị trí công tác và ghi nhận rằng thẩm phán chỉ được làm việc “khi có những hành vi tốt đẹp” (*nguyên gốc "During the time of good behaviour"*) và thẩm phán chỉ có thể bị cách chức sau khi đã được cả hai viện (hạ và thượng viện) thông qua. Đa số các thẩm phán của các quốc gia có hệ thống thông luật được bổ nhiệm không phải theo một nhiệm kỳ mà “trong suốt thời gian có những hành vi tốt đẹp”<sup>(23)</sup>. Trong một bản báo cáo gần đây về đơn kiện đối với các thẩm phán Canada, giai đoạn này được định nghĩa như một sự thử thách và bị chấm dứt khi “Có những hành vi bị cho là bất hợp tác một cách rõ ràng và không xứng với quan niệm về sự công bằng, bình đẳng và độc lập của hoạt động tư pháp làm lung lay niềm tin của công chúng về hoạt động của cơ quan tư pháp”. Những nguyên tắc cơ bản của LHQ cho rằng Thẩm phán chỉ bị đình chỉ hoặc cách chức vì lý do năng lực hoặc có những hành vi khiến họ không phù hợp với vai trò của mình. Có thể thấy rằng hai quan điểm trên là tương xứng với nhau.

Nguyên tắc cơ bản của quá trình cách chức thẩm phán ở Anh cũng tương tự như quá trình cách chức thẩm phán được bổ nhiệm ở cấp Liên bang của Canada, tuy nhiên không một thẩm phán toà án tối cao Canada nào bị cách chức kể từ ngày lập quốc năm 1867<sup>(26)</sup>. Trong hệ thống pháp luật Canada cũng giống như hầu hết các quốc gia theo truyền thống thông luật, thẩm phán chỉ có thể bị cách chức khi họ đến tuổi nghỉ hưu hoặc bị sa thải vì có hành vi vi phạm, sau khi được xem xét và quyết định bởi nghị viện. Theo quy định của pháp luật Canada hiện hành (hiện đại), một vụ kiện đối với một thẩm phán Toà án tối cao có thể được xem xét bởi Hội đồng tư pháp Canada và nếu thấy việc khiếu nại là đúng thì Hội đồng sẽ ra quyết định khiển trách hoặc kiến nghị Nghị viện cách chức (sau khi đã tham khảo ý kiến của một Ủy ban)<sup>(28)</sup>. Mặc dù đề nghị của Hội đồng có thể không được đưa ra song nó cũng được coi như là Nghị viện đã chấp thuận.

Một trình tự như trên cũng được áp dụng với các thẩm phán cấp tỉnh và một vài thẩm phán cũng đã bị cách chức. Những Ủy ban này bao gồm thẩm phán, luật gia và một số đại diện khác nhưng đa số là thẩm phán. Văn bản thành lập các uỷ ban này thường quy định rằng những thành viên còn lại được chỉ định bởi Tổng trưởng lý tương đương, hội đồng thẩm phán cùng cấp, hội luật gia cấp Nhà nước và cấp tỉnh.<sup>29</sup>

Giống như ở Canada, việc cách chức tư pháp ở Úc phải qua một quá trình gọi là “sát hạch” (address), Nguyên thủ quốc gia có quyền cách chức thẩm phán dựa trên phán quyết đã được chấp thuận của cả hai viện. Một tư pháp sẽ bị sa thải nếu ông ta bị phát hiện là “không có hành vi đẹp” hoặc “không đủ năng lực”.

Những thẩm phán của nước Đức mới (sau khi thống nhất Đông Đức và Tây Đức) được bổ nhiệm sau thời gian tập sự 3 năm, với những yêu cầu về phục vụ của mình. Điều này tạo nên những nguyên tắc không cụ thể trong quá trình tuyển chọn thẩm phán, và thực tế là ngày càng có nhiều nguyên tắc trực tiếp được thừa nhận. Nếu được Quốc hội yêu cầu, Tòa án Hiến pháp liên bang có quyền quyết định liệu một thẩm phán có vi phạm Luật cơ bản (*được hiểu là Hiến pháp- Người dịch*) hay không và có thể sẽ sa thải, cách chức, hoặc chuyển sang công việc khác. Ở Đức cũng có toà án kỷ luật, toà án này có quyền cách chức hoặc ra quyết định kỷ luật tư pháp vì tội nhận hối lộ hoặc trì trệ hay không đảm nhận được trách nhiệm của mình<sup>(30)</sup>.

Ở Pháp, Chánh án có quyền yêu cầu Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét việc cách chức thẩm phán và sự việc sẽ được Tòa án tư pháp tối cao xem xét. Tòa án này gồm 7 thẩm phán và hai người không phải là thẩm phán do Tổng thống Pháp chọn, sẽ xem xét vấn đề và quyết định hình thức kỷ luật từ khiển trách đến sa thải<sup>(31)</sup>.

Có thể kết luận một cách công bằng rằng, việc phàn nàn (buộc tội) thẩm phán ở những quốc gia trên được coi là ít nghiêm trọng hơn sự hối lộ, như việc sử dụng ngôn ngữ không thích hợp trong xét xử, hành vi bất bình thường, chậm chễ ra quyết định, lạm dụng luật sư và bằng chứng trong quá trình xét xử<sup>(32)</sup>.

Trong những năm gần đây, Ủy ban (Hội đồng) tư pháp Canada nhận được nhiều hơn những lời phàn nàn về các thẩm phán có sự đối xử không bình đẳng về giới và sắc tộc. Điều này dẫn đến có nhiều cuộc hội thảo về vấn đề nêu trên, hoặc tương tự được thực hiện trong hệ thống tư pháp Canada. (*Còn tiếp*).

**Chú thích**

1. Xem Giải pháp của Đại hội đồng 40/146,185.
2. Xem " *Những nguyên tắc cơ bản cho sự độc lập của Tư pháp*" Art.1.
3. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản được đánh số theo bản gốc. Các nguyên tắc khác cũng được đánh số tương tự.
4. Đạo luật hình sự này được làm dưới triều đại Yu, mặc dù không tìm thấy nguyên gốc của nó nhưng các nhà nghiên cứu cho rằng Đạo luật này có khoảng 3,000 mục.
5. Ông ta đã biến thành phố của mình trở thành thành trung tâm của Mesopotamia và ban hành luật để áp dụng trong đó. Luật này được tìm thấy trên một cột đá ở Susa và được giải mã bởi nhà khảo cổ học người Anh có tên là Francis Steele.

6. Ken Mark " *Sự độc lập của Tư pháp*"(1994) - 68 Tạp chí pháp luật Australia 173. Học thuyết của Montesquieu về phân công quyền lực thực sự trở thành cơ sở cho Hiến pháp của nhiều quốc gia trong đó có Canada và Hoa kỳ. Về mặt lý thuyết nó cho phép 3 nhánh cơ quan nhà nước là Lập pháp, Hành pháp & Tư pháp hoạt động trên cơ chế kiểm soát lẫn nhau từ đó tạo ra một hệ thống kiểm chế, đối trọng được thiết lập trong Hiến pháp. Bản chất và tính hiệu quả của cơ chế kiểm chế, đối trọng bị ảnh hưởng bởi cấu trúc của nhà nước, ví dụ ở Canada thì Lập pháp và hành pháp có quan hệ gần gũi chứ không chia tách rõ ràng như ở Hoa kỳ. Trong cả hai trường hợp trên, Tư pháp độc lập một cách rõ ràng.
7. Xem GS. Thomas P. Peardon, "*Giới thiệu quan điểm thứ 2 của Jonh Locke về Chính phủ*" Tạp chí Liberal Art, New York, 1952.
8. Được thông qua bởi Liên hiệp quốc tháng 12/1948. Điều 10 qui định "*Mọi người đều được hưởng quyền bình đẳng hoàn toàn trong việc xem xét công bằng & công khai bởi một toà án độc lập & không thiên vị, trong việc quyết định các quyền & nghĩa vụ của họ cũng như về bất kỳ sự buộc tội nào chống lại họ*".
9. Được thông qua bởi Đại hội đồng trong Quyết định số 40/32 ngày 29/11/1985 và số 40/146 ngày 13/12/1985.
10. Giải pháp của Hội đồng kinh tế và xã hội 1989/60.
11. Diễn đàn Chicago, 15/4/1981.
12. Đây là một lĩnh vực gây nhiều tranh cãi trong tư pháp khi Thẩm phán được chọn dựa trên sự hậu thuẫn bởi các Đảng chính trị. Ở Hoa kỳ điều này được hạn chế nghiêm ngặt. Trong đạo luật của Hội luật gia Hoa kỳ năm 1990 có ghi nhận " Thẩm phán hoặc ứng viên vào vị trí thẩm phán phải rút lui khỏi những hoạt động chính trị ".
13. Peter Hogg, "*Luật hiến pháp của Canada*". Tái bản lần 3, Tr168.
14. Ian Green " *Học thuyết về sự độc lập của Tư pháp được phát triển bởi Toà án tối cao Canada*". Osgoode Hall 1988.
15. Xem Martin L. Freidland, " *Nhìn từ bên ngoài: Sự độc lập của tư pháp và trách nhiệm giải trình ở Canada*", Ottawa, 1985.
16. Toà án không được can thiệp trực tiếp vào nhưng trong trường hợp được yêu cầu hoặc khi bất cứ cơ quan nào của Chính phủ có hành vi vượt quá quyền hạn được ghi nhận trong Hiến pháp hoặc pháp luật nói chung thì Toà án có quyền ra quyết định đình chỉ.
17. Xem Valente v. R Tr 206.
18. 1701, UK, 12&13 William III c.2.
19. Hiến pháp Hoa kỳ phần III, s.1.
20. Xem thêm Friedland Tr 56-66.
21. Ở Hoa Kỳ đã có 58 cuộc đàn hạch được áp dụng đối với các Thẩm phán Liên bang kể từ ngày độc lập 1776. Trong số đó, 11 người đã bị xem xét ở Thượng viện, 7 người bị kết tội, 3 người liên quan đến hối lộ. Có những Thẩm phán khác, cấp Liên bang và cấp Bang đã bị kết án hình sự, gồm cả hối lộ nhưng không phải trải qua thủ tục đàn hạch. Xem "Báo cáo của Ủy ban quốc gia về kỷ luật & cách chức Thẩm phán", Tháng 3/1994.

22. Supra, tại chỉ dẫn số 18. Xem "Xét xử Thẩm phán" , NXB North Holland , Amsterdam 1976, Tr 389.
23. Thuật ngữ sử dụng trong Đạo luật "Settlement" "*quamdiu se bene gesserint*", có nghĩa ngược với phương pháp bổ nhiệm trong lịch sử "*durante bene placito*", tức là khi còn được nhà vua tin cậy. ở Hoa kỳ một số bang chọn Thẩm phán bằng cách kết hợp hai phương pháp trên.
24. Báo cáo của Hội đồng tư pháp Canada năm 1991. Friedland Tr 78-141
25. Nguyên tắc thứ 18.
26. Nhưng một số Thẩm phán đã xin từ chức sau khi những lời phàn nàn về Thẩm phán đó được xem xét, một số lượng nhỏ các Thẩm phán ở Tòa án cấp thấp hơn bị sa thải. Xem Friedland Tr 81-87.
27. Xem chỉ dẫn số 15 về Hội đồng Tư pháp Canada.
28. Xem "Những kiểm tra gần đây về lời buộc tội Thẩm phán "
29. Xem Friedland Tr. 142-145
30. *Ibid.*, Báo cáo chỉ dẫn 21, Tr. 402.
31. *Ibid.*, Tr. 401-402
32. Xem Shetreet Tr. 389 & Friedland Tr 90-98.